CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng

Ngày 30/09/2025	39,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.7%	**28.2%**	**26.2%**

DT thuần
Q3/25
265
tỷ VNĐ
QoQ: ▼104| -28.1%
YoY: ▲ 70.0| 36.1%

LN thuần
Q3/25
35.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼33.4| -48.8%
YoY: ▲ 16.5| 88.7%

LN sau thuế
Q3/25
27.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼28.2| -50.4%
YoY: ▲ 12.5| 82.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
13.8%
YoY: +/-▼ 4.9%

ROE (TTM)
Q3/25
18.8%
YoY: +/-▲ 1.3%

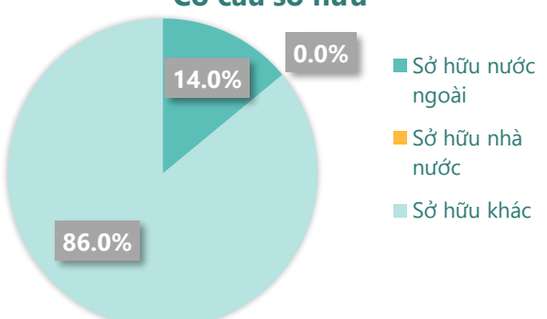
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	25,823 - 42,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,572
Số lượng CPLH (CP)	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	18,955
Sở hữu nước ngoài	14.0%
Beta	0.67
EPS	3,153
P/E	12.5

DT thuần
9T 2025
880
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 266| 43.2%

LN thuần
9T 2025
130
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 51.1| 65.1%

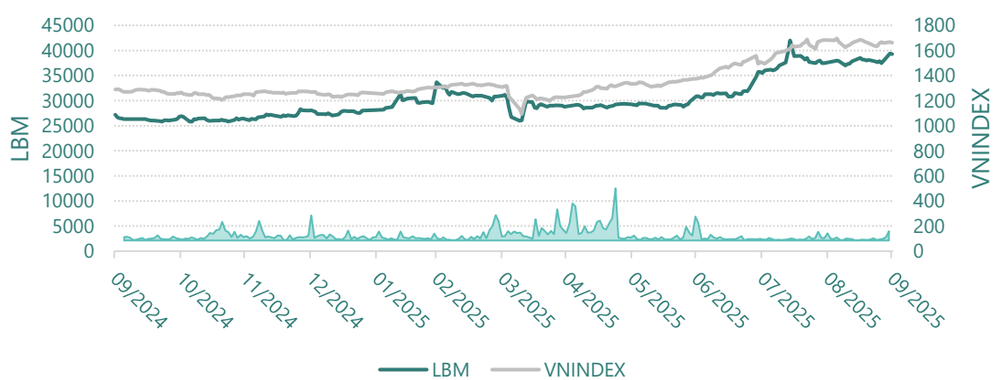
LN sau thuế
9T 2025
106
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 43.7| 70.0%

Cơ cấu sở hữu

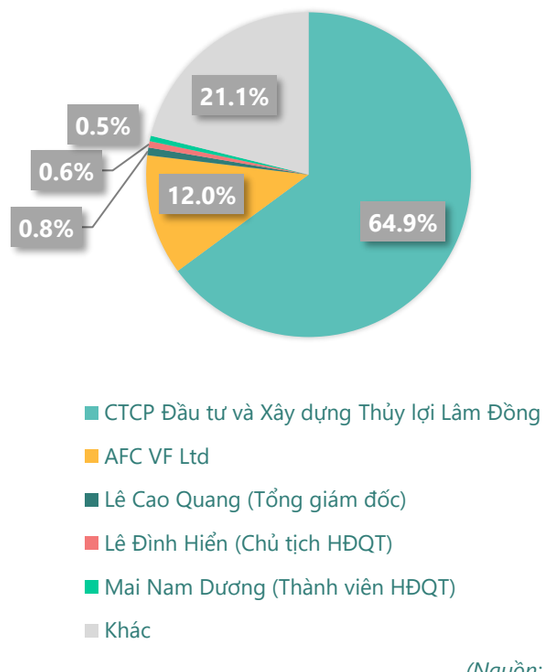


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



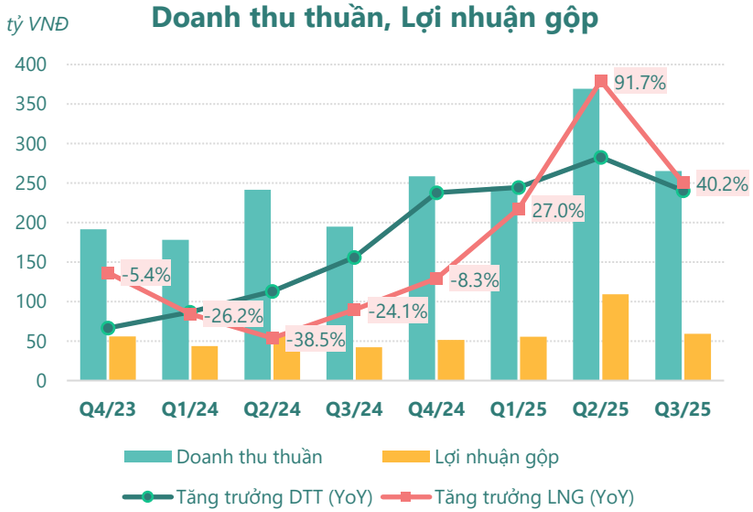
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

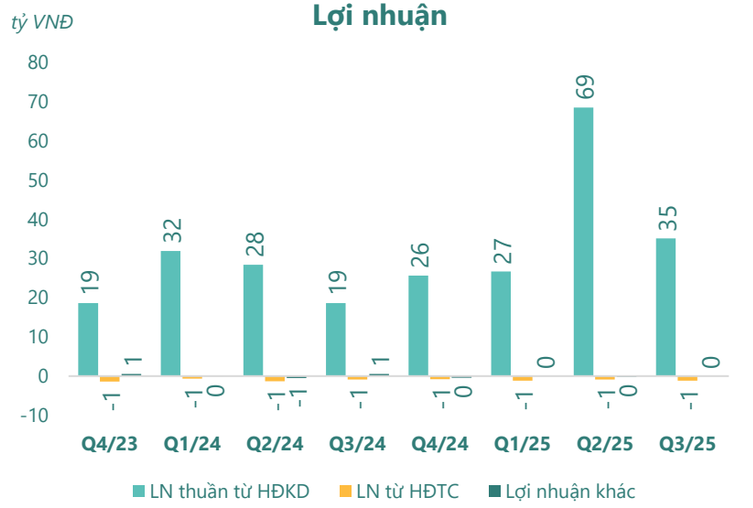
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



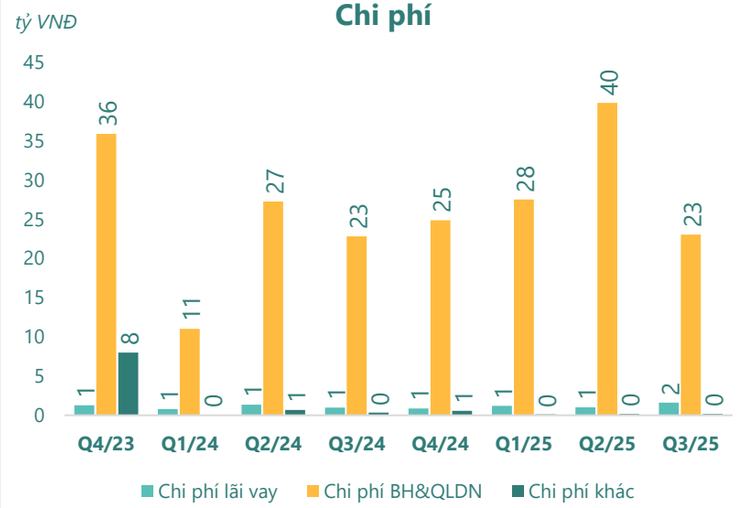
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



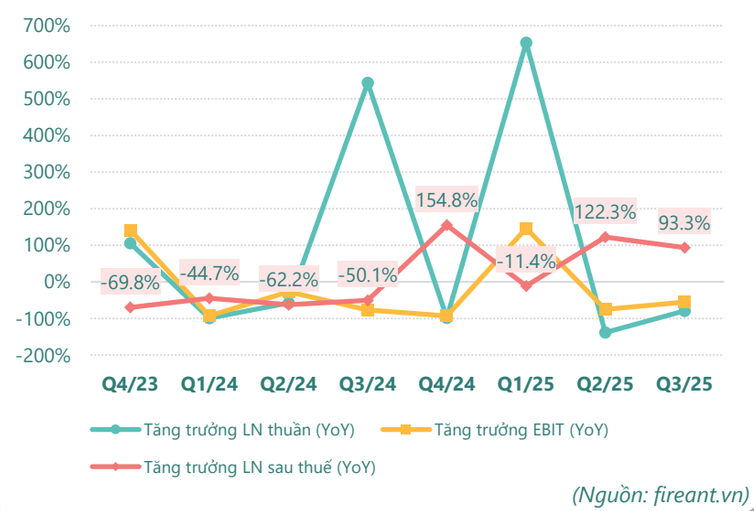
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



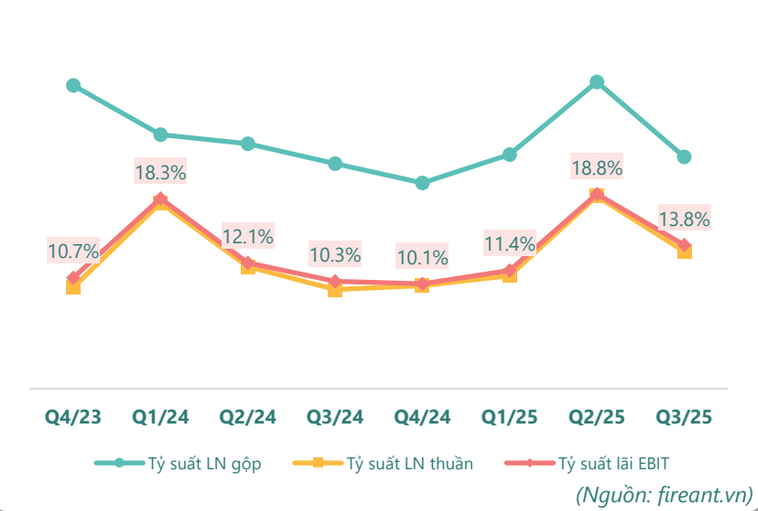
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



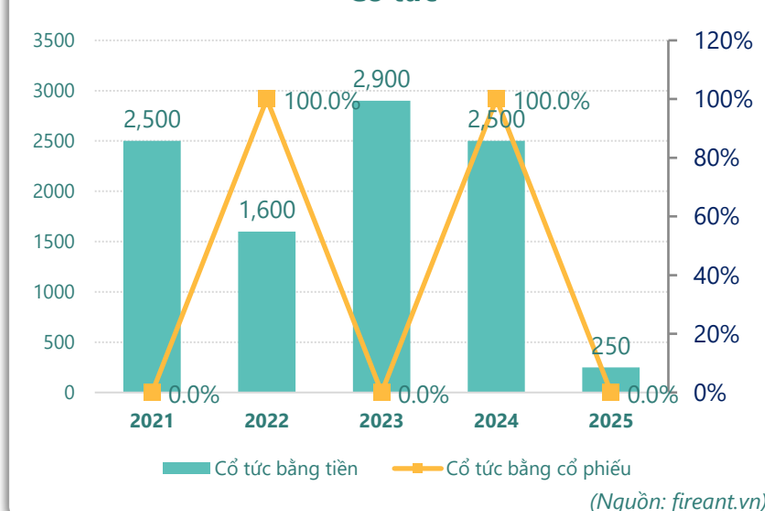
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

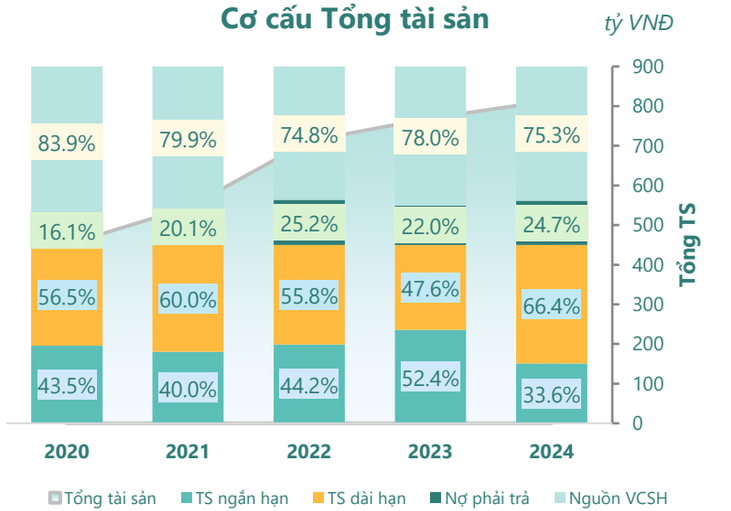
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

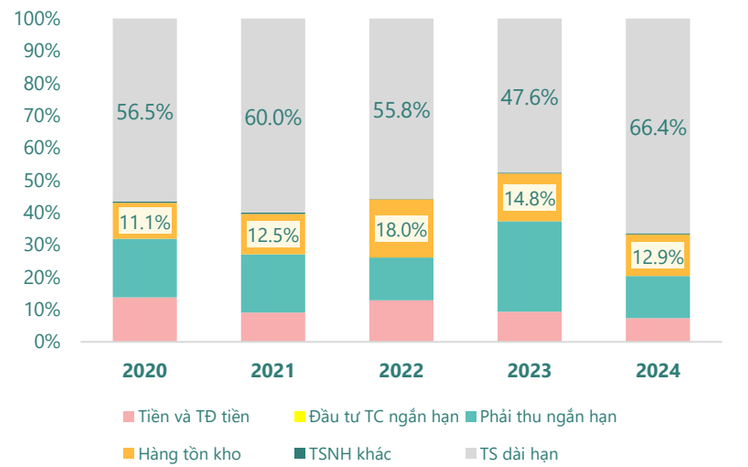
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



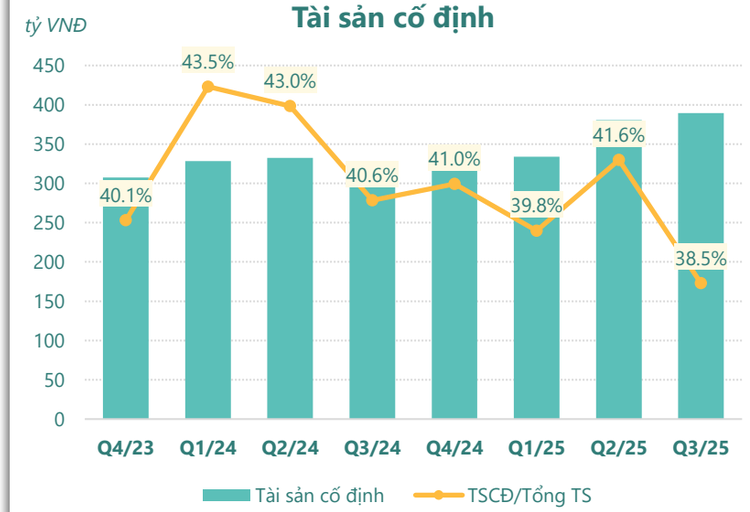
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



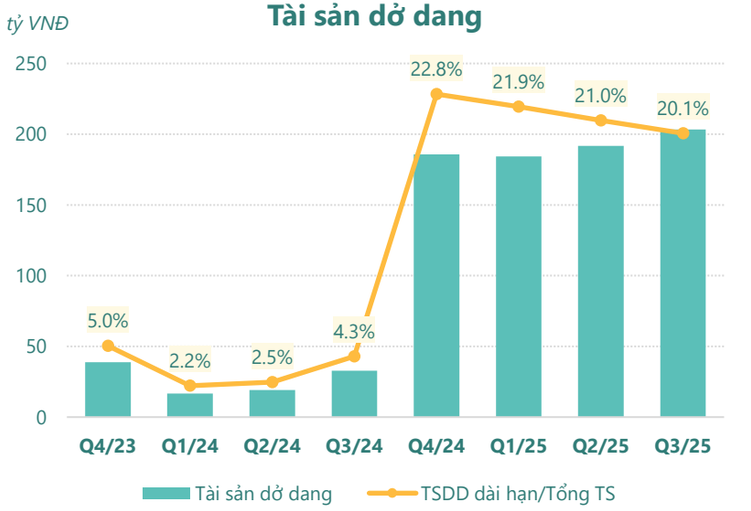
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



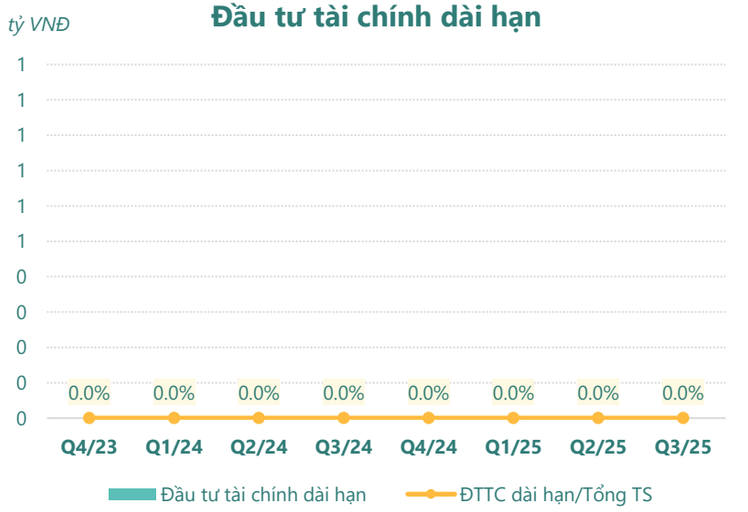
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



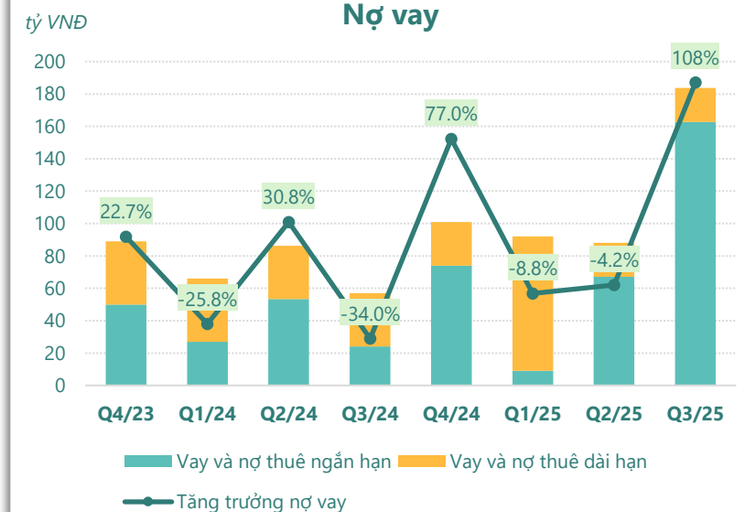
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

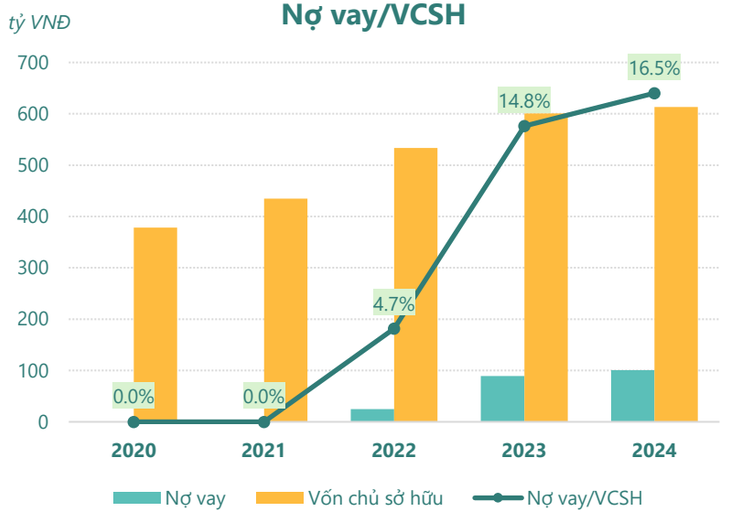
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

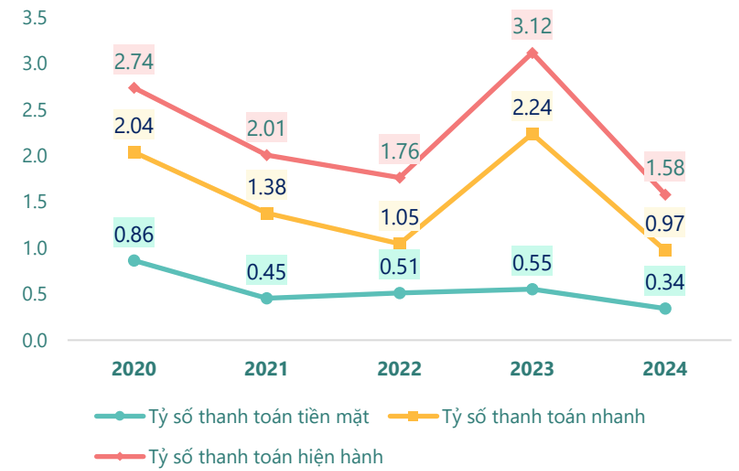
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



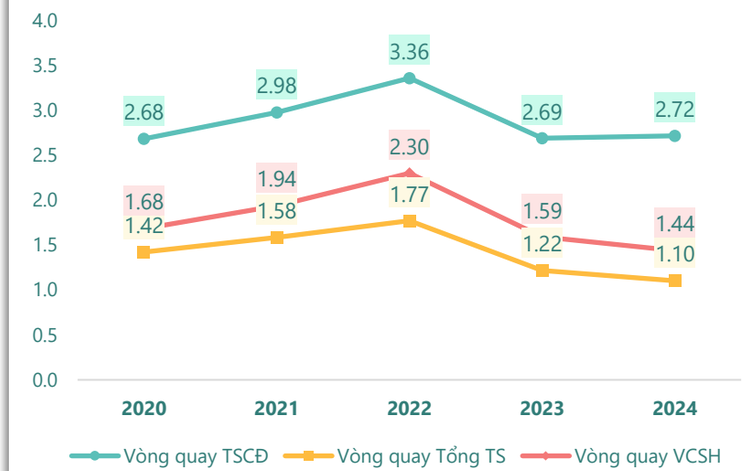
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



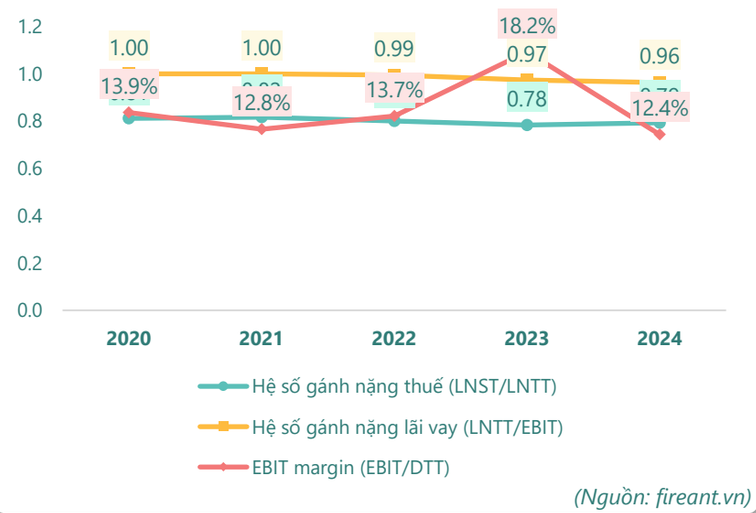
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



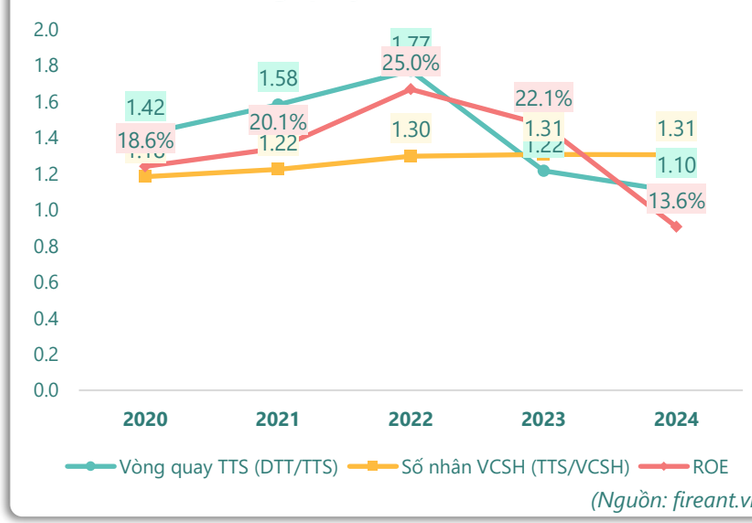
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



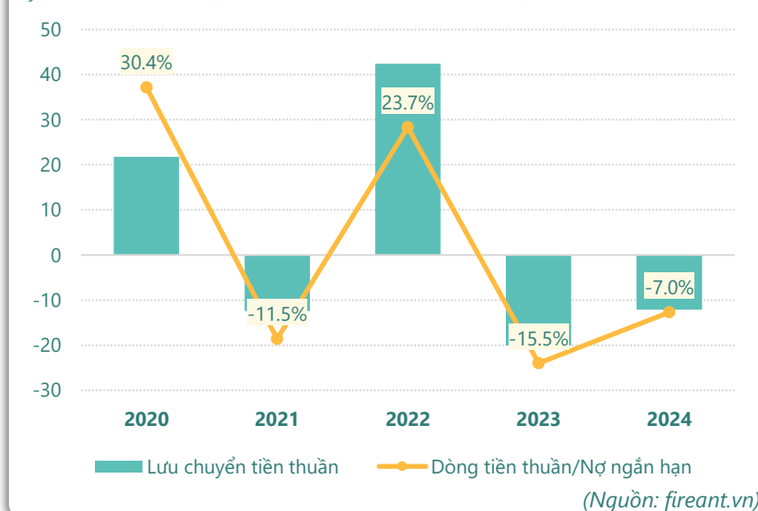
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**265**	**195**	**36.1%**	**880**	**614**	**43.2%**
Giá vốn hàng bán	206	153	34.7%	656	471	39.1%
Lợi nhuận gộp	59.3	42.3	40.2%	224	143	56.7%
Doanh thu HĐTC	0.44	0.15	192%	0.62	0.48	29.0%
Chi phí TC	1.60	1.00	59.6%	3.80	3.32	14.3%
Chi phí lãi vay	1.59	0.99	61.1%	3.80	3.12	21.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.87	0.85	2.4%	3.97	4.00	-0.8%
Chi phí QLDN	**22.2**	**22.0**	**0.8%**	**86.5**	**57.1**	**51.4%**
LN thuần từ HĐKD	35.1	18.6	88.7%	130	78.9	65.1%
Lợi nhuận khác	**0.03**	**0.54**	**-94.3%**	**-0.11**	**0.01**	**-1805%**
LN trước thuế	35.1	19.2	83.0%	130	78.9	65.0%
Lợi nhuận sau thuế	**27.7**	**15.2**	**82.3%**	**106**	**62.3**	**70.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**27.7**	**15.2**	**82.3%**	**106**	**62.2**	**70.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	34.0	28.1	146	28.8	128	-5.95
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-25.2	-30.8	-114	-20.4	-118	-23.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.83	-19.3	-6.08	-8.92	-14.0	101
Tiền đầu kỳ	56.9	55.9	33.9	59.4	58.8	54.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.95**	**-22.1**	**25.5**	**-0.57**	**-4.01**	**71.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	0.03	0	0	0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	55.9	33.9	59.4	58.8	54.8	126

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,013**	**814**	**24.5%**
Tài sản ngắn hạn	400	273	46.3%
Tiền và tương đương tiền	126	59.4	112%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	164	106	54.7%
Hàng tồn kho	108	105	2.7%
Tài sản ngắn hạn khác	2.10	3.14	-33.0%
Tài sản dài hạn	**613**	**541**	**13.4%**
Phải thu dài hạn	3.21	3.20	0.2%
Tài sản cố định	390	335	16.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	203	185	10.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**17.3**	**17.9**	**-3.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	305	201	51.5%
Nợ ngắn hạn	**283**	**173**	**63.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	163	73.9	120%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.6	38.9	-24.0%
Nợ dài hạn	22.0	28.0	-21.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.0	27.0	-22.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**708**	**613**	**15.6%**
Vốn chủ sở hữu	**708**	**613**	**15.6%**
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)